

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 482/2026/DS-PT

Ngày: 22/5/2026

V/v Tranh chấp hợp vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải.

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2026/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 512/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Mỹ T, sinh năm 1952. Địa chỉ: T, xã P, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Văng Thị K, sinh năm 1956. Địa chỉ: T, xã P, thành phố Cần Thơ.

2.2. Bà Lê Thị Bích N, sinh năm 1985. Địa chỉ: T, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Mỹ T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Từ năm 2020 đến năm 2022, bà cho bà K và bà N vay tiền, vàng cụ thể như sau:

Ngày 09/4/2020, bà K và bà N vay 02 cây vàng 24k, tiền lãi của 01 cây vàng là 1.000.000 đồng/tháng và vay 200.000. với tiền lãi của 100.000.000 đồng là 1.200./tháng.

Ngày 09/8/2020, bà K và bà N vay 100.000.000 đồng, tiền lãi 1.200./tháng.

Ngày 09/12/2020, bà K và bà N vay thêm 100.000.000 đồng, tiền lãi 1.200.000 đồng/tháng.

Ngày 09/12/2022, bà K và bà N vay 01 cây vàng 24k, tiền lãi 1.000.000 đồng/tháng.

Ngày 09/4/2022, bà K và bà N vay 01 cây vàng 24k, tiền lãi 1.000.000 đồng/tháng.

Ngày 28/12/2022, bà K và bà N vay 01 cây vàng 24k, tiền lãi 1.000.000 đồng/tháng.

Trong những lần vay tiền, vay vàng thì bà K và bà N có ký biên nhận nợ. Đến tháng 10/2024, bà K và bà N trả cho bà 04 cây vàng 24k, còn nợ lại 01 cây vàng 24k và số tiền vay 400.000.000 đồng. Do trong thời gian vay, bà K và bà N không đóng lãi đầy đủ nên bà với bà K, bà N tính lại số tiền lãi còn nợ là 100.000.000 đồng nên cộng vào tiền vay 400.000.000 đồng và bà K, bà N đã ký biên nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng.

Đến tháng 11/2024, bà kiện yêu cầu bà K, bà N trả số tiền 500.000.0000 đồng và 01 cây vàng 24k nhưng bà quên yêu cầu tính tiền lãi mà bà K, bà N còn nợ trong khoảng thời gian từ tháng 6/2024 đến tháng 10/2024. Còn lại khoảng thời gian từ tháng 10/2024 đến tháng 7/2025 bà K và bà N không đóng tiền lãi.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà K và bà N phải trả số tiền lãi còn nợ là 118.000..

- Bị đơn bà N trình bày:

Ngày 09/4/2020, bà có vay của bà T 02 cây vàng 24k, tiền lãi 01 cây vàng là 1.000.000 đồng/tháng và số tiền 200.000.000 đồng với mức tiền lãi của 100.000.000 đồng là 1.200.000 đồng/tháng.

Ngày 09/12/2021, bà vay thêm 06 chỉ vàng 24k, do còn nợ tiền lãi nên bà T cho viết biên nhận vay 01 cây vàng 24k và tiền lãi 1.000.000 đồng/tháng.

Ngày 09/4/2022 và ngày 28/12/2022, bà có ký biên nhận vay 02 cây vàng 24k, thực tế bà không nhận mà đó là khoản tiền lãi bà còn nợ được quy đổi thành vàng và bà T yêu cầu bà ký nhận.

Đến tháng 5/2024, bà T yêu cầu bà ký nhận tổng số vàng còn nợ là 05 cây và nợ tiền 500.000.000 đồng thì bà đã đồng ý ký tên. Thực tế, số tiền gốc vay chỉ

có 400.000.000 đồng cộng thêm tiền lãi thì mới được 500.000.000 đồng. Đến tháng 10/2024, bà trả cho bà T 04 cây vàng 24k, còn nợ lại 01 cây vàng 24k và số tiền gốc 400.000.000 đồng với tiền lãi 100.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án về tiền vay và vàng mà bà còn nợ vào tháng 3/2025 ở Toà án nhân dân huyện Phong Điền thì bà T đã thống nhất không tính tiền lãi nữa nên các bên mới ký biên bản hoà giải thành.

Nay bà T cho rằng bà còn nợ tiền lãi từ tháng 6/2024 đến tháng 10/2024 và từ tháng 10/2024 đến tháng 7/2025 thì bà không đồng ý.

- Bị đơn bà K trình bày:

Bà xác định những lần con gái bà là bà N mượn tiền bà T thì bà đều có ký tên. Tuy nhiên, thực tế là con gái bà vay, chứ không phải bà vay tiền của bà T, do trước đó ở chung nhà với con gái bà nên bà T yêu cầu bà ký tên. Bà xác định việc vay tiền, vàng và nợ tiền lãi đã được giải quyết trong vụ án vào tháng 03/2025 theo quyết định của Toà án nhân dân huyện Phong Điền. Bà và con gái bà chỉ đồng ý trả số tiền 500.000.000 đồng và 01 cây vàng 24k theo quyết định của Toà án. Còn khoản tiền lãi trước đã được giải quyết nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Toà án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 03/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ đã tuyên như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Văng Thị K và bà Lê Thị Bích N phải trả số tiền lãi 118.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn số tiền lãi là 59.000.000 đồng.

Bị đơn đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn là 59.000.000 đồng.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi

xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể là bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn số tiền lãi là 59.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự thỏa thuận là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, phía nguyên đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã thống nhất được việc giải quyết cụ thể là nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng), phía bị đơn cũng thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, việc các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận các đương sự là đúng pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ. Việc Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm là việc ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên cấp sơ thẩm không có lỗi về phần này.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

-Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Mỹ T.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2026/DS-ST ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi suất cho nguyên đơn là 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Miễn án phí cho các đương sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai

